TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Công
Ông Trương Xuân Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST–HNGĐ ngày 12/02/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* anh **Hà Kim V**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- *Bị đơn:* chị **Triệu Thị M**, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2020 và bản tự khai nguyên đơn anh Hà Kim V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Triệu Thị M kết hôn trên vào ngày 07/5/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều thay đổi về công việc của mỗi người dẫn đến bất đồng quan điểm. Anh và chị M đã sống ly thân bốn năm nay và không còn quan tâm đến nhau. Đến

nay xác định tình cảm không còn, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: anh và chị M có 01 con chung Hà Kim T, sinh ngày 10/01/2015, hiện đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Triệu Thị M nhưng chị M không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Tòa án về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho anh V được ly hôn với chị M, về con chung giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Hà Kim V và chị Triệu Thị M kết hôn vào ngày 07/5/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Thôn Y, xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, mỗi người đi làm tại một nơi nên bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau. Chị M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Thôn Đ, xã V, huyện Lục Yên hiện tại đi làm xa và không có mặt tại địa phương chỉ thỉnh thoảng về nhà. Vợ chồng sống ly thân bốn năm nay, không còn

quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa hôm nay, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh V, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: anh V và chị M có 01 con chung Hà Kim T, sinh ngày 10/01/2015, kết quả xác minh xác định hiện tại con chung đang do anh V trực tiếp nuôi dưỡng có nơi ở, có điều kiện học tập ổn định. Mặt khác, hiện tại chị M không có mặt tại nơi cư trú, không có mặt tại Tòa án do đó không có căn cứ để xém xét.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* anh Hà Kim V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Hà Kim V được ly hôn với chị Triệu Thị M.

2. Về con chung: giao cho anh Hà Kim V tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Kim T, sinh ngày 10/01/2015 cho đến khi đủ18 tuổi. Chị Triệu Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Hà Kim V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2017/0004741 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**